

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2024/DS-PT
Ngày: 06-8-2024
V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Doan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 497/2023/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Uông Tấn H**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, TP., Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Lâm Hữu N**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số G, T, phường F, TP., Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Phạm Ngọc D** – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: **Trần Thị Tuyết L**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, C, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh N1**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, Chợ G, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Trần Thị Tuyết L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Nguyên đơn anh H trình bày: Ngày 31/12/2016 anh có cho chị L vay 200.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn vay 01 tháng. Hết thời hạn vay chị L xin cho chị tiếp tục vay. Chị L có trả tiền lãi từ ngày 31/12/2016 đến ngày 31/12/2017 với số tiền 48.000.000đồng.

Ngày 28/12/2016 (âl) anh có cho chị L vay 100.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn vay 01 tháng. Hết thời hạn vay chị L xin cho chị tiếp tục vay. Chị L có trả tiền lãi từ ngày 28/12/2016 đến ngày 28/12/2017 (âl) với số tiền 24.000.000đồng.

Ngày 28/4/2017 anh có cho chị L vay 300.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn vay 01 tháng. Hết thời hạn vay chị L xin cho chị tiếp tục vay. Chị L có trả tiền lãi từ ngày 28/4/2017 đến ngày 28/12/2017 với số tiền 48.000.000đồng.

Ngày 11/10/2017 anh có cho chị L vay 1.550.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn vay 04 tháng. Chị L có trả tiền lãi đến ngày 11/12/2017 với số tiền 62.000.000đồng.

Nay anh H yêu cầu chị L trả 2.150.000.000đồng vốn vay.

Bị đơn chị L trình bày: chị không đồng ý trả 2.150.000.000đồng cho anh H, lý do chị không có vay tiền của anh H.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 497/2023/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang áp dụng: Căn cứ Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ưông Tấn H.

Buộc chị Trần Thị Tuyết L trả cho anh Ưông Tấn H 2.150.000.000đồng tiền vốn vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/11/2023, bị đơn Trần Thị Tuyết L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm giải quyết những việc sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ưông Tấn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

-Đại diện bị đơn trình bày tranh luận: Ông H và bà L có quan hệ vay mượn số tiền 400.000.000đồng, có thể chấp đất đã được giải quyết bằng các bản án số 155,158 và Quyết định giám đốc thẩm số 23. Ông H khởi kiện bà L trong vụ án này chứng minh bằng 04 tờ biên nhận , trong đó có tờ biên nhận cuối cùng là ngày 11/10/2017 với số tiền 1.550.000.000đồng, chứng tỏ các biên nhận trước không còn giá trị, do biên nhận cuối cùng đã ghi nợ cũ và nợ mới. Các file ghi âm đã thể hiện việc chốt nợ sau ngày 11/10/2017, tổng kết bà L nợ lại số tiền 780.000.000đồng, đã được giải quyết bằng bản án số 155,158 và Quyết định giám đốc thẩm số 23. Do đó bà L không còn nợ tiền ông H. Số tiền 780.000.000đồng là xuất phát từ số tiền 400.000.000đồng và tính lãi nhiều năm. Số tiền 700.000.000đồng cũng được giải quyết bằng bản án số 212/2022. File ghi âm là chốt các số nợ từ năm 2015 đến năm 2019. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Luật sư của nguyên đơn trình bày tranh luận: Ở giai đoạn sơ thẩm thì bà L không thừa nhận có vay mượn tiền của ông H theo nội dung 04 tờ biên nhận mà ông H làm căn cứ khởi kiện. Như thế, không đồng nghĩa với việc chốt nợ. Qua kết quả giám định thể hiện cả 04 chữ ký trong các biên nhận đều của bà L; Đối với vấn đề chốt nợ theo file ghi âm do bên bà L giao nộp thì xuất phát từ việc tranh chấp mua bán thửa đất số 4028 do bà L kiện ông H (bản án số 155 và án số 158) ông H đã xuất trình biên nhận với số tiền 780.000.000đồng. Bà L thừa nhận số tiền vay 550.000.000đồng và làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 4028. Như vậy, bản án số 155 gồm số tiền 400.000.000đồng tiền vay (ký hợp đồng bán đất) và số tiền lãi phát sinh từ 28/5/2015 đến năm 2018 và bản án số 155 và án số 158 đã xét xử với số tiền 550.000.000đồng vốn và lãi. Đối với file ghi âm không nói rõ chốt của những khoản tiền nào, việc ghi âm không liên tục. Cho nên, file ghi âm này bà L cho rằng chốt tất cả các biên nhận là không đúng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L , và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bổ sung: Bị đơn thừa nhận file ghi âm xuất phát từ số tiền 550.000.000đồng nên về mặt số học thì không phù hợp với 04 tờ biên nhận do nguyên đơn khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Bà L kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ vào 04 tờ biên nhận do ông H làm căn cứ khởi kiện bà L thì thể hiện ông H cho bà L vay tiền nhiều lần, theo kết quả giám định thì tất cả 04 tờ biên nhận đều do bà L ký tên. Tại giấy biên nhận ngày 11/10/2017 có nội dung “ .. mượn 250.000.000đồng, cũ còn 1.300.000.000đồng. Tổng cộng 1.550.000.000đồng..” (đã bao gồm biên nhận 600.000.000đồng và biên nhận 200.000.000đồng. Có cơ sở xác định từ ngày 11/10/2017 bà L vay của ông H số tiền 1.550.000.000đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bà L nộp các file ghi âm thể hiện ngày 25/01/2019 bà L nợ 780.000.000đồng. Nguyên đơn thừa nhận giọng nói ông H trong file ghi âm nhưng cho rằng số tiền 780.000.000đồng đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. bà L thì cho rằng chốt tất cả các khoản nợ. Xét nội dung đoạn ghi âm xác định đến ngày 25/01/2019 còn nợ 780.000.000đồng. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền 780.000.000đồng trong đoạn ghi âm có nằm trong 04 tờ biên nhận mà nguyên đơn dùng làm chứng cứ khởi kiện hay không. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “đòi tài sản” là đúng quan hệ pháp luật theo đơn khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Uông Tấn H khởi kiện bị đơn Trần Thị Tuyết L đòi số tiền 2.150.000.000đồng. Ông H chứng minh bằng 04 tờ biên nhận mượn tiền cụ thể:

- Giấy mượn tiền ghi ngày 31/12/2016 Bà L mượn số tiền 200.000.000đồng
- Giấy mượn tiền ghi ngày 17/01/2017 Bà L mượn số tiền 100.000.000đồng
- Giấy mượn tiền ghi ngày 28/4/2017 Bà L mượn số tiền 300.000.000đồng

-Giấy mượn tiền ghi ngày 11/10/2017 Bà L mượn số tiền 250.000.000đồng và tiền cũ còn lại là 1.300.000đồng. Tổng cộng tiền cũ và mới là 1.550.000.000đồng.

Bà L không thừa nhận có quan hệ vay mượn tiền với ông Uông Tấn H, nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông H.

Quá trình giải quyết ở tòa án sơ thẩm thì bà L không thừa nhận nợ, đã yêu cầu giám định các chữ ký của bà L trong 04 tờ biên nhận nêu trên. Theo kết luận giám định số 246/KL-KTHS ngày 22/9/2023 của V - Bộ C đã kết luận: *“Chữ ký Trần Thị Tuyết L trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Trần Thị Tuyết L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký ra”*. Tòa án sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3]Quá trình xét xử phúc thẩm thì bà L tiếp tục yêu cầu Tòa án trung cấp giám định lần 2 tại Phân viện KHHS tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Tại kết luận giám định số 2994/KL-KTHS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đã kết luận:

“...1.Chữ ký đứng tên Trần Thị Tuyết L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A 1 đến A4, chữ viết họ tên “ Trần Thị Tuyết L” dưới chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Tuyết L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người ký , viết ra.

2. Chữ viết họ tên “Trần Thị Tuyết L” dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A 1 so với chữ viết họ tên “ Trần Thị Tuyết L” dưới chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là không phải do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết có nội dung bắt đầu và kết thúc: “Giấy mượn tiền Tôi Trần Thị Tuyết L ... ngày 17/01/2017 trả” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết đứng tên Trần Thị Tuyết L trên các mẫu so sánh ký hiệu M7, M8 là do cùng một người viết ra”.

Xét thấy, Bà L không thừa nhận nợ và cho rằng không ký vào các biên nhận nợ là các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Qua 02 lần giám định chữ ký (theo yêu cầu của bà L) đã có kết luận các chữ ký tên đều do một người ký.

Sau khi có kết quả giám định lần 02 của Tòa án phúc thẩm thì bà L cung cấp 02 file ghi âm (01 file dài 01 phút 30 giây và 01 file dài 30 giây) cùng tờ tự khai kèm theo file ghi âm trình bày: Nội dung ghi âm vào ngày 15/4/2022 với nội dung cho rằng ông H xác nhận bà L nợ đến ngày 25/01/2019 với số tiền 780.000.000đồng.

[3]Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/7/2024: Bà L trình bày, căn cứ vào nội dung ghi âm thì ông H xác định đã chót nợ với bà L đến ngày 25/01/2019 thì bà L còn nợ ông H số tiền 780.000.000 đồng và số tiền này đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 158/2022/DS-ST ngày 23/9/2022, bản án phúc thẩm số

155/2023/DS-PT ngày 23/3/2023 và Quyết định giám đốc thẩm số 23/2024/DS-GĐT ngày 10/01/2024. Nguyên đơn thì cho rằng số tiền 780.000.000đồng được chốt nợ trong file ghi âm là xuất phát từ hợp đồng chuyển nhượng đất với bà L tại thửa đất số 4028 với số tiền 400.000.000đồng, sau đó tính lãi lên 550.000.000đồng, tiền thuê nhà, tiền nợ hui... tổng cộng là 670.000.000đồng và tính lãi đến tháng 01/2019 âm lịch là 780.827.000đồng.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để khởi kiện là 04 tờ giấy mượn tiền (ngày 31/12/2016; 17/01/2017; 28/4/2017 và ngày 11/10/2017) với tổng số tiền là 2.150.000.000đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại biên nhận ngày 11/10/2017 ghi nội dung “...Hôm nay ngày 11.10.2017 (tức 22/8Al/2017) Tôi: *Uông Tấn H* sinh, năm 1975 ngụ ấp P, xã P TPMTTG: CM: 311416564 cấp ngày 28/12/2009 có đồng ý cho chị *Trần Thị Tuyết L* sinh, năm 1965 ngụ ấp C, xã T CT. TG CM: 31064365 cấp tại công an tỉnh T mượn số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và tiền cũ còn lại là 1.300.000.000 (một tỉ ba trăm triệu đồng chẵn) tổng cộng tiền cũ và mới là: 1.550.000.000(một tỉ năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Hai bên đã đọc kỹ và đồng ý ký tên..”. Chữ ký của bà L tại biên nhận này đã được cơ quan giám định kết luận, đúng chữ ký tên của bà L. Như vậy, đủ cơ sở kết luận tính đến ngày 11/10/2017 bà L có nợ ông H tổng số tiền 1.550.000.000đồng. Ông H cho rằng nợ tổng cộng 2.150.000.000đồng là không phù hợp. Bà L cho rằng theo file ghi âm đến tháng 01/2019 thì bà chỉ còn nợ lại ông H số tiền 780.000.000đồng và đã được giải quyết bằng bản án số 158/2022/DS-ST ngày 23/9/2022, bản án phúc thẩm số 155/2023/DS-PT ngày 23/3/2023 và Quyết định giám đốc thẩm số 23/2024/DS-GĐT ngày 10/01/2024, Ông H không thừa nhận và cho rằng các bản án nêu trên giải quyết xuất phát từ số tiền mua bán đất 400.000.000đồng, không liên quan số tiền theo 04 biên nhận mà nguyên đơn khởi kiện. Nhận thấy, 02 file ghi âm mà bà L giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là chứng cứ mới phát sinh. Chưa được làm rõ số tiền 780.000.000đồng thể hiện trong file ghi âm là số tiền còn lại của những khoản tiền nào? có được khấu trừ vào số tiền trong 4 biên nhận mà nguyên đơn giao nộp làm căn cứ khởi kiện hay không? Do Bà L không có chứng cứ chứng minh đã khấu trừ như thế nào để còn lại số tiền 780.000.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm thì đại diện ông H có giao nộp 01 tờ giấy photo (bản chính đã giao nộp trong vụ án xét xử theo bản án số 158/2022/DS-ST ngày 23/9/2022) và cho rằng số tiền này không liên quan. Như vậy, cần thu thập bản chính của tờ giấy này đồng thời đối chất để làm rõ số tiền 780.827.000đồng theo tờ giấy photo giao nộp tại Tòa phúc thẩm để làm rõ xuất phát từ số tiền nào của hai bên. Bởi lẽ trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018 thì giữa bà L và ông H có rất

nhiều giao dịch liên quan đến việc vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, để đảm bảo thu thập chứng cứ đầy đủ, giải quyết toàn diện vụ án và thực hiện 02 cấp xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét đến kháng cáo của bị đơn và chưa xem xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên hoàn lại cho người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Xử:

1. Hủy toàn bộ án án dân sự sơ thẩm số 497/2023/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã xét xử vụ án “Đòi tài sản” giữa nguyên đơn là Ông Tấn H và bị đơn là Trần Thị Tuyết L.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo qui định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: H1 lại Trần Thị Tuyết L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010508 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tiền G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án công khai lúc 14 giờ 20 phút, ngày 06 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt